

Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam trong văn xuôi đương đại thời kỳ Đổi mới

Vũ Thị Mỹ Hạnh^(*)

Tóm tắt: Văn học là tấm gương phản chiếu văn hóa dân tộc. Giá trị đích thực của văn học là ở chỗ nó phản ánh tất cả các vấn đề văn hóa, xã hội, vận mệnh, tiền đồ của dân tộc, phản ánh tinh thần của thời đại. Nhiều thế hệ nhà văn, nhà thơ ở Việt Nam đi suốt chiều dài lịch sử của đất nước cũng đã không ngừng khai thác những giá trị văn hóa dân tộc trong sáng tác của mình. Văn xuôi thời kỳ Đổi mới tưởng chừng bị cuốn theo thời đại của công nghệ thông tin, song trong sáng tác của những nhà văn, ngay cả thế hệ các nhà văn trẻ vẫn đậm đặc những sắc thái văn hóa dân tộc như: tín ngưỡng, phong tục, đạo Mẫu... Bài viết bàn về văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam qua các tác phẩm văn xuôi đương đại thời kỳ Đổi mới.

Từ khóa: Nghiên cứu văn học, Nghiên cứu văn hóa, Văn xuôi đương đại, Văn hóa tín ngưỡng, Văn hóa dân gian

Abstract: Literature has proved its true value as a mirror that reflects all cultural and social matters as well as destiny and perspectives of the nation, the spirit of the times. Many generations of Vietnamese writers and poets all through history have constantly exploited the national cultural values in their works. While prose in the Doimoi (Reform) period is likely influenced by the era of information technology, it has, nevertheless, been imbued with the beliefs, customs, Mother Goddess worship among many national cultural values as found in the works of writers, even the young generation. The paper discusses religious belief in Vietnam reflected in works of contemporary prose in post-Doimoi.

Keyword: Literary Research, Cultural Research, Contemporary Prose, Religious Belief, Folk Culture

1. Vài nét về văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, tín ngưỡng và đại đa số người dân có truyền thống sinh hoạt tín ngưỡng từ lâu đời. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam đều có

những hình thức tín ngưỡng mang nét đặc sắc riêng gắn liền với đời sống kinh tế và tâm linh của mình. Từ sau những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã đánh giá cao vai trò của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội. Nghị quyết Hội nghị Trung ương V, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII khẳng định: “Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của dân, bảo đảm cho các

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: hanhvtm76@gmail.com

tôn giáo hoạt động trên cơ sở bình thường, trên cơ sở tôn trọng pháp luật, nghiêm cấm xâm phạm tự do, tín ngưỡng và không tín ngưỡng. Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1998).

Có nhiều quan niệm về tín ngưỡng. Theo Đoàn Văn Chúc (1997), tín ngưỡng là một cái nôi cho các biểu thị biểu tượng tính hình thành, là cái nôi cho những hình thức diễn đạt điển hình mà ngày nay người ta gọi là các loại hình văn hóa hoặc các phương tiện văn hóa. Trần Ngọc Thêm (1997) cho rằng, tín ngưỡng là niềm tin của con người vào những điều, những sự vật, những nhân vật nào đó. Niềm tin này không thể lý giải bằng logic thông thường vì nó đối lập với tư duy khoa học.

Các nhà nghiên cứu như Phan Kế Bính, Nhất Thanh, Toan Ánh, Tân Việt... tiếp cận tín ngưỡng từ góc độ văn hóa dân gian, xem tín ngưỡng là tín ngưỡng dân gian với các nghi lễ thể hiện qua các lễ hội, phong tục, tập quán, truyền thống của dân tộc Việt Nam. Đặng Nghiêm Vạn (1998) cho rằng, tín ngưỡng là yếu tố chính của tôn giáo, quy định sức mạnh của tôn giáo đó với cộng đồng. Nguyễn Chí Bền (2000) từ góc độ văn hóa nhận định tín ngưỡng là một bộ phận cấu thành của văn hóa được thể hiện thông qua nghi lễ thờ cúng, là lòng ngưỡng mộ thành kính đối với những thế lực có ảnh hưởng trong quan hệ với con người.

Dù quan niệm như thế nào chăng nữa, thì mỗi loại tín ngưỡng đều là sự phản ánh các mối quan hệ vốn có của một kiểu xã hội, điều kiện tồn tại các tộc người, các đẳng cấp, giai cấp, các nền văn hóa khác nhau. Các hình thức tín ngưỡng mang đặc thù theo từng không gian văn hóa, chủ thể văn hóa cũng như thời gian văn hóa khác nhau nhưng vẫn là biểu hiện niềm tin vào

cái thiêng, sự ngưỡng mộ và sùng bái của con người. Do vậy, tín ngưỡng là một hiện tượng văn hóa mang tính lịch sử, một phạm trù lịch sử. Văn hóa tín ngưỡng sẽ được tiếp cận từ những giá trị văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể thông qua các cơ sở thờ tự, nghi thức thờ cúng, các giai thoại dân gian, địa danh và lễ hội có liên quan đến các hình thái tín ngưỡng của người Việt (Xem: Nguyễn Văn Bốn, 2010).

Trong văn học Việt Nam thời kỳ Đổi mới, các hình thái tín ngưỡng dân gian mang bản sắc văn hóa dân tộc được phản ánh khá đậm đặc. Các tác phẩm văn học Đổi mới, đặc biệt là văn xuôi, đã khai thác các khía cạnh văn hóa Việt như là một sức mạnh làm nên thành công trong sáng tác của các tác giả. Tâm hồn, tính cách, lịch sử, văn hóa Việt Nam được thể hiện hết sức rõ nét qua văn học. Nhiều tác phẩm văn xuôi đương đại mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam liên quan đến các hình thái tín ngưỡng.

2. Tín ngưỡng đa thần và không gian văn hóa Việt

Cũng như nhiều dân tộc trên thế giới, tín ngưỡng sơ khai của người Việt là tín ngưỡng đa thần. Mọi hiện tượng tự nhiên đều có thần chủ trì, “vạn vật hữu linh, đất có thổ công, sông có hà bá” (Xem: Mã Giang Lân, 1998). Tín ngưỡng đó được đặt trong một không gian văn hóa đặc trưng của Việt Nam, đó là những ngôi làng, cây đa, bến nước, dòng sông, cánh đồng...

Trong văn xuôi đương đại, chúng ta vẫn bắt gặp những hình ảnh ngôi làng qua các tác phẩm như: làng Giếng Chùa (*Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường), làng Cổ Đình (*Mẫu thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh), làng Đông (*Bến không chồng* của Dương Hương), xóm Nhài (*Những bài học nông thôn* của Nguyễn Huy Thiệp), Bản Hua Tát (*Những*

ngọn gió Hua Tát của Nguyễn Huy Thiệp), xóm nhỏ (*Hiu hiu gió bắc* của Nguyễn Ngọc Tư), làng Lạc Quần (*Tôi và gã* của Y Ban)... Làng xóm là cái nôi cho sinh hoạt văn hóa truyền thống lâu đời, dù ở đồng bằng (làng Đông, làng Giếng Chùa), trung du (làng Cổ Đình) hay miền núi (bản Hua Tát), thì mỗi làng quê ấy đều có một ngôi đình. Đình làng ở Việt Nam là một sản phẩm độc đáo và được đặt ở vị trí trung tâm của làng; vừa là công đường, vừa là nơi sinh hoạt văn hóa. Đây cũng chính là nơi hội tụ của cộng đồng làng xã, là một thiết chế văn hóa cổ truyền của người Việt thông qua các hình thức tín ngưỡng, lễ hội đầy màu sắc mang đậm tính nhân văn sâu sắc, qua đó duy trì thuần phong mỹ tục.

Theo Trần Ngọc Thêm (1997), đình làng là một trung tâm văn hóa. Các hội hè trong làng và mọi cuộc ăn uống chung của cộng đồng đều được tổ chức tại đây (do vậy mà có từ đình đám). Sân đình ở nhiều ngôi làng cũng là nơi để diễn chèo, tuồng. Bên cạnh đó, đình còn là một trung tâm về mặt tôn giáo: thế đất, hướng đình được xem là quyết định vận mệnh của cả làng, đình là nơi thờ thành hoàng - vị thần bảo trợ cho dân làng.

Trong *Mẫu thượng ngàn*, khi miêu tả diện mạo đời sống tâm linh, tín ngưỡng của người dân làng Cổ Đình, Nguyễn Xuân Khánh (2006) đã hết sức chú trọng đến đình làng - niềm kiêu hãnh của những người dân nơi đây. Trong *Bến không chồng*, Dương Hường (1990) đã chỉ ra nhiều cái nhất của làng Đông và một trong những cái nhất ấy chính là đình làng. Ngôi Đình với bậc thềm đá xanh biếc, nhẵn bóng cùng cột đình đồ sộ là biểu hiện sức mạnh của làng. Người làng Đông, làng Cổ Đình, làng Giếng Chùa... đều tự hào về làng mình: “Chẳng to cũng gọi Đình Đông. Có cầu Đá

Bạc bắc qua sông Đình. Chàng ơi có nhớ đến mình. Nhớ cầu Đá Bạc nhớ đình làng Đông” (Dương Hường, 1990: 120). Có thể nói, đây là tâm lý phổ biến của người dân ở các làng quê Việt Nam. Tâm lý ấy vừa phản ánh niềm tin vào sức mạnh cố kết cộng đồng làng xã, vừa thể hiện niềm tự hào của mỗi người dân đối với mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình.

Bên cạnh đó, không gian văn hóa trong các tác phẩm văn xuôi hiện đại cũng thường gắn với hình ảnh dòng sông, cánh đồng, cây đa, bến nước, có thể kể đến: dòng sông Đình (*Bến không chồng* của Dương Hường), sông Sơn (*Mẫu thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh), sông Cầu (*Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường), sông Cái (*Con gái thủy thần* của Nguyễn Huy Thiệp) hay những dòng sông, cánh đồng mệnh mang, ngút ngát (*Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư)... Với người Việt, từ bao đời, sông luôn gần gũi và thân thương, sông gắn với những kỷ niệm về quê hương, cha mẹ. Các nhà văn hiện đại đã miêu tả về các dòng sông đúng như nhận định của Trần Quốc Vượng (2003): Tính sông nước là một đặc trưng của văn hóa Việt Nam. Trong văn xuôi đương đại, mỗi khúc sông, mô đất, cánh đồng, gốc cây... đều có lai lịch, huyền tích, sâu hơn nữa là lịch sử và văn hóa dân tộc.

Những hình ảnh ngôi làng, dòng sông... chỉ được khắc họa phần nào trong các tác phẩm văn xuôi đương đại, song cũng mang lại cho người đọc những trải nghiệm về đời sống tâm linh, tín ngưỡng đa dạng, mang bản sắc riêng của người dân Việt Nam.

3. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

Ở Việt Nam, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng cơ bản và phổ biến. Đó là quan niệm về sự tồn tại của linh hồn và

mối liên hệ huyết thống giữa người chết và người sống bằng đường hồn. Qua con đường ấy, người đã khuất về chứng kiến, theo dõi hành vi của con cháu, người thân, quả trách hoặc phù hộ cho họ. Trong tín ngưỡng này, đạo lý là nội dung nổi trội. Con cháu thờ cúng tổ tiên để bày tỏ lòng biết ơn “uống nước nhớ nguồn” đối với bề trên. Người Việt luôn chịu sự chi phối của quan niệm vừa mong được nhận “phúc âm của tổ tiên”, “sống vì mồ vì mả, ai sống vì cả bát cơm” (Xem: Mã Giang Lân, 1998).

Người phương Đông quan niệm “sinh ký, tử quy” (sống ở trần gian chỉ là sống tạm, còn khi chết thì cái tinh anh của con người mới đến được cõi vĩnh hằng đầy hoan lạc. Đó chính là cuộc sống thật). Vì vậy, người phương Đông coi trọng ngày giỗ hơn ngày sinh. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt mang nội dung giản dị và giàu tính thực tiễn. Bởi thế, nó dễ dàng trở thành nếp sống, phong tục bám rễ sâu vào tiềm thức của mỗi người. Tính giản dị và thực tiễn được thể hiện qua các tác phẩm văn xuôi hiện đại, đó là lời khấn vái khi tế lễ trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma*: xin được chở che, phù trợ cho sự bình yên của cuộc sống hằng ngày; là tư thế, thái độ trang nghiêm của Lão Kiền nhân dịp giỗ vợ: “Tất cả lòng thành, xin chừa vị phù hộ độ trì, cho sức khoẻ dồi dào, làm ăn tấn tới”; là cách ông Vỹ, em bà Nhón, đứng nghiêm, gục đầu như mặc niệm; là Đoàn với đôi tay đầy mỡ gà, không rửa, vái lia lịa: “Lạy mẹ, mẹ phù hộ cho con đi học nước ngoài, kiếm cái xe cub” (Nguyễn Khắc Trường, 2008: 128). Bên cạnh đó, sự chuẩn bị lễ vật đầy đủ cũng được diễn tả trong *Không có vua*: con gà sống tơ, mỗ ngâm một bông hồng, hộp mứt, rượu rót ra ba cốc, pha một ấm chè... (Nguyễn Huy Thiệp, 2006). Lời khấn của những đứa con trong *Đường về trần*

trước năm mồ người mẹ: “Xin mẹ yên nghỉ nơi chín suối. Xin mẹ tha thứ cho những lỗi lầm...” (Võ Thị Hảo, 2005: 184). Trong *Mẫu thượng ngàn*, Nguyễn Xuân Khánh (2006) cũng mô tả về lời khấn thành khẩn tha thiết của bà Ba Váy trước vong linh Bà Cả. Để thể hiện lòng tôn kính đối với tổ tiên, dòng họ Nguyễn ở làng Đông trong *Bến không chồng* đã xây dựng nên ngôi từ đường để làm nơi thờ phụng cho con cháu muôn đời. Khi nhà từ đường bị đốt cháy, sau bảy năm không tìm ra thủ phạm, ông Khiên đã xin phép cả họ dựng lại ngôi từ đường trên nền cũ. Với Nghĩa, người trưởng nam kế cận, ông vừa yêu thương vừa nghiêm khắc dạy dỗ mong cậu trở thành người kế nghiệp với “tương lai sáng rực lên từ đất tổ (Dương Hương, 1990). Còn đối với dòng họ Trịnh làng Giếng Chùa ở *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, trên bàn thờ của họ, đằng sau cái lư đồng là bức truyền thần họa ông ba mươi trên tám vải dệt bằng những sợi gai đang ở thế chồm lên. Những răng lợi, móng vuốt vươn ra trông đặng đặng lăm liệt (Nguyễn Khắc Trường, 2006).

Hầu như ở bất kỳ một tác phẩm văn học nào cũng có thể tìm thấy những chi tiết có sức hút về tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt. Với những ước mong bình dị và niềm tin chất phác, thờ cúng tổ tiên được coi là tín ngưỡng phù hợp với mọi người, có khả năng truyền bá và bảo tồn dài lâu trong đời sống tâm linh của người dân Việt.

4. Tín ngưỡng thờ Mẫu

Tín ngưỡng thờ Mẫu (hiện nay các nhà nghiên cứu còn gọi là đạo Mẫu) là hình thức tín ngưỡng dân gian khá tiêu biểu, mang đậm đà bản sắc văn hóa Việt Nam, một hiện tượng văn hóa tâm linh độc đáo trong hệ thống tín ngưỡng dân gian đa thần của người Việt. Việc tôn thờ nữ thần đã phổ biến từ lâu, từ truyền thuyết

mẹ Âu Cơ - bà mẹ xứ sở sớm nhất của người dân Việt - đến lịch sử dựng nước và giữ nước cũng có những vị anh hùng lưu danh muôn thuở như Hai Bà Trưng, cùng với đó chúng ta cũng bắt gặp ở khắp nơi trên đất nước Việt Nam những đền, đài, miếu, phủ, đình, chùa... thờ các nữ thần, gắn liền với tín ngưỡng nông nghiệp và nguyên lý âm dương là khuynh hướng đề cao nữ tính. Người Việt còn thờ nữ thần Mặt Trăng, Mặt Trời, nữ thần Lửa, thần Lúa, hay bà Nữ Oa, bà chúa Xứ..., đặc biệt là Thánh Mẫu Liễu Hạnh - vị nữ thần vừa thiêng liêng, vừa cao quý nhưng lại rất gần gũi đối với con người Việt Nam.

Trần Ngọc Thêm (1997) cho rằng, một bề cái lý không bằng một tí cái tình, lối sống tình cảm dẫn đến thái độ trọng đức, trọng văn, trọng phụ nữ. Còn Trần Quốc Vượng (2003) khẳng định, tính Mẫu ăn sâu trong tâm trí và biểu hiện thành các chuẩn mực ứng xử. Theo Ngô Đức Thịnh (2001), việc thờ Mẫu tuy có tên gọi khác nhau ở các miền đất nước nhưng có cội nguồn từ tục thờ các nữ thần. Ngày nay, nó đã trở thành Đạo của người Việt, một đạo mang bản sắc Việt Nam rõ rệt nhất.

Những biểu hiện của nguyên lý tính Mẫu trong truyền thống văn học Việt Nam không phải ở thời kỳ nào cũng giống nhau. Lịch sử văn học Việt đã có những chị Lý, mẹ Tơm, mẹ Suốt, Võ Thị Sáu... kiên trinh, bất khuất trong chiến tranh. Văn xuôi Việt Nam hiện đại vẫn giữ hình ảnh của người phụ nữ với những phẩm chất bao dung, nhân hậu và đức hy sinh. Họ vẫn là trung tâm của gia đình, là chiếc cầu nối văn hóa giữa các thế hệ.

Người phụ nữ trong văn học Việt Nam, dù xưa hay nay, đều là hình ảnh của cái đẹp. Lòng khoan dung, sự vị tha nhẫn nại, nhân hậu... của người phụ nữ như là sự

đối trọng với cái xấu, cái ác, là liều thuốc tinh thần hiệu nghiệm của mỗi người. Trong thế giới nhân vật của các nhà văn hiện đại như Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Xuân Khánh, Dương Hương, Nguyễn Khắc Trường, Y Ban, Nguyễn Ngọc Tư..., dường như các nhân vật nữ đều đẹp. Về đẹp sinh sắc tươi nhuận được đặt trong sự vận động không ngừng của cuộc sống. Là nàng Bua, nàng Sinh, là chị Thắm, con gái thủy thần, là Xuân Hương, bé Thu, người thiếu phụ chèo đò... trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp. Tất cả những nhân vật này đều đẹp, mỗi người một vẻ. Trong *Nàng Bua*, nhà văn đã khẳng định rằng: “Đẹp là một phẩm giá tinh thần cao quý của phụ nữ. Đó là tấm lòng bao dung và hào phóng với tất cả mọi người” (Nguyễn Huy Thiệp, 2006). Họ không chỉ đẹp mà còn là biểu tượng của sự đùm bọc, sinh sôi, cứu giúp. Như bé Thu trong *Tâm hồn mẹ*, Thắm trong *Cháy đi sông ơi*, Sinh trong *Không có vua...* - tất cả là sự mệnh mông, ám áp, chở che của những người mẹ bao trùm lên mỗi mái nhà.

Trong *Bến không chồng*¹, Dương Hương (1990) đã vẽ nên những người phụ nữ đẹp như huyền thoại. Đó là Ngân, cô gái đẹp nhất làng Đông, là chị Nhân, Thắm, Thủy, Hạnh..., họ đẹp từ trong cuộc sống đời thường đến những câu chuyện kể. Đức hy sinh, vị tha của họ vừa làm người đọc ứa nước mắt thương cảm, vừa dấy lên sự cảm phục. Thiên tính Mẫu trong tác phẩm là ánh sáng, là sự hy vọng cho tất cả mọi người. Với Nguyễn Khắc Trường (2006), thiên tính nữ trong *Mảnh đất lắm người nhiều ma* cũng biểu hiện ở mặt hoa da phấn, thắt đáy lưng ong, mắt lá răm đen nhánh...

¹ Tác phẩm được nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1991.

của bà Son, cô Đào. Giữa cộng đồng nửa người nửa ma của xóm Giếng Chùa, với các nhân vật Phúc, Hàm, Thư, Ương, Ngạc, Cao..., bà Son hiện lên như điển hình của một người vợ, người mẹ, người phụ nữ Việt Nam bao dung, nhân hậu. Bà mang đến một sức sống mãnh liệt, một nguồn ánh sáng tươi mới cho tác phẩm.

Những nhân vật nữ được khắc họa, ca ngợi nhiều nhất, “đậm đặc” nhất là trong *Mẫu thượng ngàn*¹ của Nguyễn Xuân Khánh. Luồng văn hóa xuyên suốt trong tác phẩm là đạo Mẫu. Ở đó, tất cả những người đàn bà đều đẹp và mãnh liệt sức sống, tràn trề tình yêu thương, bao dung, nhân hậu, từ bà Tổ Cô bí ẩn, bà Ba Váy đa tình, đến cô Đồng Mùi, cô Mỡ Hoa khốn khổ, cô trinh nữ Nhụ tinh khiết... Cả bà Đà của ông Đùng huyền thoại cũng tràn trề sinh lực, phồn thực, rất con người, rất đàn bà... Trong tác phẩm này, Nguyễn Xuân Khánh đã dùng ngòi bút để phác họa rõ nét nền văn hóa Việt.

Trong văn xuôi hiện đại Việt Nam, các nhà văn nữ đã thể hiện nguyên lý tính Mẫu trong văn hóa Việt theo cách riêng của mình. Các yếu tố sinh, dưỡng, dục, lạc được thể hiện bằng tiếng nói của trái tim, bởi “người phụ nữ dùng con tim của mình để suy tư”. Với Y Ban, khi viết về đề tài phụ nữ, nhà văn như “đang vẽ chân dung đồng giới mình”. Tác giả hóa thân vào họ, thể hiện tâm hồn, gương mặt họ bằng cái nhìn chân thật nhất. *I am đàn bà* là truyện ngắn mang đến cho Y Ban những lời khen - chê đối lập, và cũng đã tốn không ít giấy mực của các nhà nghiên cứu. Người phụ nữ trong tác phẩm là một người nghèo khó với một đàn con, nhưng cái nghèo, cái đói

không làm mất đi trong người đàn bà đó lòng bao dung, nhân hậu, vị tha. Khi nhìn thấy đứa trẻ mới sinh bị bỏ trong rừng thì “sau sự sợ hãi là sự đau đớn chất cùng phả ra từ bản năng làm mẹ của thị” (Y Ban, 2006: 5). Ở người phụ nữ không biết chữ, chưa bao giờ ra khỏi lũy tre làng ấy, thiên tính Mẫu dường như mệnh mông không bao giờ vơi cạn. Nó bao trùm lên những đứa con, lên thằng bé bị bỏ rơi, lên cả người đàn ông tàn tật mà chị chăm sóc. Chị khóc và thấy “tim đau rần rạt” khi bị tố cáo về tội “quấy rối tình dục”. Lời bào chữa “*I am đàn bà*” có lẽ cũng được cảm thông và tha thứ.

Với thế giới nhân vật của Võ Thị Hảo, người đọc bắt gặp ở đó những người phụ nữ sẵn lòng bao dung, độ lượng trong *Đường về trần, Chuông vọng cuối chiều*. Năm 2006, văn đàn Việt Nam đã nóng lên bởi tác phẩm *Cánh đồng bất tận*² của nhà văn trẻ vùng đất Nam bộ Nguyễn Ngọc Tư, đây được coi là một hiện tượng của văn học trẻ nước nhà. Những trang viết của nhà văn mang nhiều nỗi niềm của người đàn bà Nam bộ, về người dân quê mình chịu thương chịu khó, yêu say đắm nồng nàn, và đức hy sinh cao cả. Đó là sự hy sinh âm thầm, là tình yêu nồng nàn cháy bỏng của người đàn bà trong *Dòng nhớ, Nhà cổ*; lòng bao dung nhân hậu, hy sinh trong *Duyên phận so le*: Xuyên đã hy sinh hạnh phúc, hy sinh cuộc đời mình để cho con được yên ấm. “Nghe buồn anh cũng buồn em đi lê thê trong dạ... còn cào, oằn oại, tả tơi gió” (Nguyễn Ngọc Tư, 2005: 34).

Có thể thấy, hình tượng người phụ nữ được văn xuôi Việt Nam sau Đổi mới khắc họa dưới cái nhìn đa chiều của cuộc sống.

¹ Cuốn tiểu thuyết đã nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2006.

² Tập truyện đoạt Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 2006 dành cho tác phẩm xuất sắc.

Họ là những người phụ nữ đẹp, mang đậm tâm hồn, cốt cách Việt, nguyên lý tính Mẫu Việt Nam.

Thay lời kết

Như vậy, việc đưa những sắc thái văn hóa dân gian vào các tác phẩm văn xuôi hiện đại đã đem đến một cái nhìn mới mẻ, một hướng đi mới cho văn học Việt Nam. Quan trọng hơn, chính những tác phẩm văn học đó là nơi lưu giữ, bảo tồn tính đa dạng và phong phú của văn hóa Việt Nam.

Các tác phẩm văn xuôi hiện đại đã khai thác và sử dụng những giá trị văn hóa dân tộc như một sức mạnh làm nên chiều sâu và sức sống trường tồn. Những hình thái văn hóa mang bản sắc truyền thống như lễ hội, tín ngưỡng, phong tục tập quán... được lưu giữ, truyền tụng bằng nhiều hình thức khác nhau, trong các hình thức đó có văn học □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị An (2007), “Sức ám ảnh của tín ngưỡng dân gian trong Mẫu thượng ngàn”, Tạp chí *Văn học*, số 6.
2. Y Ban (2006), *I am đàn bà (Tập truyện ngắn)*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
3. Nguyễn Chí Bền (2000), *Văn hóa dân gian Việt Nam: Những suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Bốn (2010), *Văn hóa tín ngưỡng*, <http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-to-chuc-doi-song-ca-nhan/1671-nguyen-van-bon-van-hoa-tin-nguong.html>, truy cập ngày 10/6/2020.
5. Đoàn Văn Chúc (1997), *Văn hóa học*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
6. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ V, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Xuân Khánh (2006), *Mẫu thượng ngàn (Tiểu thuyết)*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
9. Võ Thị Hảo (2005), *Góa phụ đen (Tập truyện ngắn)*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
10. Dương Hương (1990), *Bến không chồng (Tiểu thuyết)*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
11. Mã Giang Lân (tuyển chọn, 1998), *Thành ngữ, tục ngữ Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
12. Trần Đình Sử (1998), “Vai trò sáng tạo văn hóa của văn học”, Tạp chí *Văn học*, số 6.
13. Ngô Đức Thịnh (2001), *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Nguyễn Ngọc Tư (2005), *Cánh đồng bất tận (Tập truyện ngắn)*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
15. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
16. Nguyễn Huy Thiệp (2006), *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
17. Võ Quang Trọng (1997), *Vai trò của văn học dân gian trong văn xuôi hiện đại Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Nguyễn Khắc Trường (2008), *Mảnh đất lắm người nhiều ma (Tiểu thuyết)*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
19. Đặng Nghiêm Vạn (1998), *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam: Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội.